

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Ông Trương Chí Thành	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên
Bà Lê Thị Kim Khuyên	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Ông Phan Huy Chí	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Phúc Hường	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Bà Mạc Thị Thanh Xuân	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Ông Ứng Hồng Vận	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2013)
Ông Trương Chí Thành	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Trung Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Nhu	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ứng Hồng Vân
Giám đốc

Lào Cai, ngày 05 tháng 3 năm 2014

Số: 638 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05 tháng 3 năm 2014, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh:

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đang theo dõi trên Tài khoản 241 “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và Tài khoản 242 “Chi phí trả trước dài hạn” các khoản chi phí cho công trình thủy điện Chu Linh - Cốc Sơn, Sừ Pán, Tà Thàng đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty với số tiền tương ứng là 6.187.676.701 đồng và 2.938.961.039 đồng. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác, Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, tất cả các khoản chi phí quản lý phát sinh trong năm hoàn toàn phục vụ cho Dự án Thủy điện Ngòi Phát. Theo đó, Công ty đã ghi nhận toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền 9.399.193.207 đồng (số lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 63.549.836.788 đồng) vào giá trị các công trình đầu tư và phản ánh trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” tại bảng cân đối kế toán. Chi phí quản lý dự án được vốn hóa sẽ được điều chỉnh (nếu có) khi có phê duyệt quyết toán công trình.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thuyết mật và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+150)	100		132.960.837.022	46.344.490.334
I. Tiền	110	5	37.523.209.480	239.187.864
1. Tiền	111		37.523.209.480	239.187.864
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.345.502.204	44.997.946.759
1. Trả trước cho người bán	132	6	78.686.480.549	40.016.152.773
2. Các khoản phải thu khác	135	7	3.659.021.655	4.981.793.986
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.092.125.338	1.107.355.711
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.167.749.990	409.209.717
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		36.494.287	24.476.249
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		887.881.061	673.669.745
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		1.369.800.123.599	1.093.860.064.543
I. Tài sản cố định	220		1.359.015.970.050	1.071.277.608.439
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	481.948.400	12.080.961
- Nguyên giá	222		2.511.502.093	1.886.488.735
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.029.553.693)	(1.874.407.774)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	641.858.704
- Nguyên giá	225		-	971.461.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(329.603.114)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	8.291.305.131	8.291.305.131
- Nguyên giá	228		8.291.305.131	8.301.395.131
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(10.090.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.350.242.716.519	1.062.332.363.643
II. Tài sản dài hạn khác	260		10.784.153.549	22.582.456.104
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.784.153.549	10.535.256.104
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	12.047.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.502.760.960.621	1.140.204.554.877

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013		31/12/2012	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.128.624.621.488		923.499.940.308	
I. Nợ ngắn hạn	310		166.250.764.133		385.811.293.742	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	46.578.861.647		211.053.206.190	
2. Phải trả người bán	312		88.061.309.517		73.315.884.889	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		59.539.649		927.200	
4. Phải trả người lao động	315		2.174.377.001		1.895.627.979	
5. Chi phí phải trả	316	13	21.786.224.066		97.686.842.670	
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		7.590.452.253		1.858.804.814	
II. Nợ dài hạn	330		962.373.857.355		537.688.646.566	
1. Phải trả dài hạn khác	333		224.000.000		350.000.000	
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	962.149.857.355		537.338.646.566	
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		374.136.339.133		216.704.614.569	
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	374.136.339.133		216.704.614.569	
1. Vốn điều lệ	411		353.296.507.633		193.896.507.633	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000		10.642.450.000	
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		8.607.542.231		10.836.183.806	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.589.839.269		1.329.473.130	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.502.760.960.621		1.140.204.554.877	

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại		
USD	523	828



Ông Hồng Văn
Giám đốc

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 05 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 336 Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		434.553.759	342.134.782
7. Chi phí tài chính	22		94.671.633	122.664.306
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.500.000	120.289.274
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		339.882.126	219.470.476
11. Thu nhập khác	31		8.000.000	-
12. Chi phí khác	32		-	112.749.751
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		8.000.000	(112.749.751)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		347.882.126	106.720.725
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		86.788.714	35.269.984
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		261.093.412	71.450.741
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	10	4



Ứng Hồng Vận
Giám đốc

Đình Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 05 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	347.882.126	106.720.725
2. Điều chỉnh cho các khoản			
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(434.553.759)	(342.134.782)
Chi phí lãi vay	06	17.500.000	120.289.274
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(69.171.633)	(115.124.783)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(49.322.235.072)	23.866.450.957
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	16.718.224.925	3.340.846.450
Tiền lãi vay đã trả	13	(191.009.585.975)	(23.527.249.099)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.772.816)	(103.479.475)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(727.273)	(460.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(223.686.267.844)	3.000.644.050
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(150.201.130.545)	(128.637.037.649)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	5.000.000.000
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay	27	434.553.759	342.134.782
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(158.766.576.786)	(123.294.902.867)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	159.400.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	488.138.244.036	120.718.544.411
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(227.801.377.790)	(5.387.471.153)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	419.736.866.246	115.331.073.258
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	37.284.021.616	(4.963.185.559)
Tiền đầu năm	60	239.187.864	5.202.373.423
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	37.523.209.480	239.187.864

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 80.824.430.923 đồng (năm 2012 là 73.315.884.889 đồng) - là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Ông Hồng Văn
Giám đốc

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 05 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các Nhà máy Thủy điện được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ/VC-TCLĐ ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 45 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 49).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc, mua bán vật liệu xây dựng; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi; Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất; Đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khác và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không có nợ phải thu quá hạn, khó đòi cần phải trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Máy móc, thiết bị	6 - 7
Phương tiện vận tải	9 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm kế toán và thiết kế đào lắp được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không phải trích khấu hao. Các phần mềm kế toán và thiết kế đào lắp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, tất cả các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ hoàn toàn phục vụ cho Dự án Thủy điện Ngòi Phát. Theo đó, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm 2013 với số tiền 9.399.193.207 đồng vào giá trị đầu tư công trình nêu trên và phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại bảng cân đối kế toán. (số lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 63.549.836.788 VND). Chi phí quản lý Dự án được vốn hóa sẽ được điều chỉnh (nếu có) khi có phê duyệt quyết toán công trình.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm, được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng đầu tư nhà máy hoàn thành, toàn bộ chênh lệch này được phân bổ vào chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện và dự án bất động sản tại Lào Cai. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty không chắc chắn về khả năng tạo ra lợi nhuận trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.971.876	1.682.732
Tiền gửi ngân hàng	37.521.237.604	237.505.132
	37.523.209.480	239.187.864

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Điện lực Lào Cai	307.000.000	307.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	5.779.967.834	2.128.542.714
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	14.199.294.571	15.998.058.304
Công ty TNHH Xây dựng và Xây lắp Thủy điện tỉnh Triết Giang	28.282.121.114	14.572.331.028
Công ty Xây lắp Điện I	3.825.531.780	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	595.626.791
Cục giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	-	200.000.000
Công ty Cổ phần LILAMA 3	-	2.666.464.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	4.353.488.692	2.487.539.775
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	16.473.407.600	-
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ Hà Thành	656.174.463	-
Các đối tượng khác	4.809.494.495	1.060.590.161
	78.686.480.549	40.016.152.773

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	334.043.470	2.085.309.070
Xí nghiệp Thủy công chuyên ngành	931.955.106	931.955.106
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	305.252.640	-
Công ty Vimeco	480.732.766	1.244.950.632
Các khoản phải thu khác	1.607.037.673	719.579.178
	3.659.021.655	4.981.793.986

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	296.757.388	1.200.889.655	388.841.692	1.886.488.735
Tăng trong năm	46.211.818	-	-	46.211.818
Tăng khác (i)	-	973.461.818	-	973.461.818
Phân loại lại theo TT45/2013/TT-BTC	58.711.817	13.157.727	322.790.734	394.660.278
Tại ngày 31/12/2013	284.257.389	2.161.193.746	66.050.958	2.511.502.093
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY				
Tại ngày 01/01/2013	292.937.939	1.199.793.185	381.676.650	1.874.407.774
Khấu hao trong năm	1.041.671	1.096.470	3.964.208	6.102.349
Tăng khác (i)	-	491.513.418	-	491.513.418
Phân loại lại theo TT45/2013/TT-BTC	9.722.221	13.157.727	319.589.900	342.469.848
Tại ngày 31/12/2013	284.257.389	1.679.245.346	66.050.958	2.029.553.693
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	-	481.948.400	7.165.042	481.948.400
Tại ngày 31/12/2012	3.819.449	1.096.470	-	12.080.961

- (i) Tài sản cố định tăng khác trong năm thể hiện Công ty đã mua lại tài sản thuê tài chính là xe ô tô Toyota thuê tài chính từ Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam vào ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.538.040.275 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.814.160.185 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	8.291.305.131	10.090.000	8.301.395.131
Phân loại lại theo TT45/2013/TT-BTC		10.090.000	10.090.000
Tại ngày 31/12/2013	8.291.305.131	-	8.291.305.131
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY			
Tại ngày 01/01/2013	-	10.090.000	10.090.000
Phân loại lại theo TT45/2013/TT-BTC		10.090.000	10.090.000
Tại ngày 31/12/2013	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	8.291.305.131	-	8.291.305.131
Tại ngày 31/12/2012	8.291.305.131	-	8.291.305.131

Giá trị quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và chi phí san nền, giải phóng mặt bằng liên quan đến lô đất tại đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát (i)	1.341.964.402.182	1.054.054.049.306
Công trình Khu đô thị thương mại Thủy Hoa	2.090.637.636	2.090.637.636
Công trình Thủy điện Chu Linh - Cốc San (ii)	4.257.321.341	4.257.321.341
Công trình Thủy điện Sứ Pán (ii)	480.355.360	480.355.360
Công trình Thủy điện Tà Thàng (ii)	1.450.000.000	1.450.000.000
	1.350.242.716.519	1.062.332.363.643

- (i) Bao gồm chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình khi các cổ đông chưa góp đủ vốn điều lệ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 349.719.457.362 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 222.615.668.806 đồng).

Toàn bộ giá trị dự án Công trình Thủy điện Ngòi Phát được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 14.

- (ii) Các khoản chi phí cho các công trình thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sứ Pán, Tà Thàng với tổng số tiền là 6.187.676.701 đồng đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán - Dự án Thủy điện Chu Linh - Cốc San (i)	2.938.961.039	2.938.961.039
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán - Dự án Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai (ii)	7.596.295.065	7.596.295.065
Chi phí thiết bị văn phòng	248.897.445	-
	10.784.153.549	10.535.256.104

- (i) Các khoản chi phí cho Dự án Thủy điện Chu Linh - Cốc San đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đang tạm theo dõi giá trị các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán của Dự án Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai với số tiền là 7.596.295.065 đồng theo Báo cáo kiểm toán số 464/VAE-XD-NVIII ngày 09 tháng 7 năm 2005 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam trên Tài khoản 242 - "Chi phí trả trước dài hạn". Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh vào báo cáo tài chính khi có quyết toán chính thức từ cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn:		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	-	139.295.872.846
Công ty Cổ phần Vimenco (i)	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả:		
Vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	41.080.861.647	54.000.000.000
Vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam	4.998.000.000	17.100.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	157.333.344
	46.578.861.647	211.053.206.190

- (i) Ngày 13 tháng 12 năm 2011, Công ty ký kế ước vay vốn lưu động với Công ty Cổ phần Vimenco, với số tiền vay là 500.000.000 đồng. Khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 14 tháng 12 năm 2011 nhưng chưa được gia hạn. Lãi suất cố định là 14%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi vay phải trả hợp đồng vay ngắn hạn	-	26.131.879.859
Lãi vay phải trả hợp đồng vay dài hạn	21.786.224.066	71.554.962.811
	21.786.224.066	97.686.842.670

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	657.293.786.355	410.999.247.566
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	304.856.071.000	126.339.399.000
	962.149.857.355	537.338.646.566

- (i) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 535,466, tỷ đồng, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng (=) 4%/năm + lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm bình quân từ dân cư bằng VND của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao Dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai). Các tài sản đảm bảo bao gồm:

- Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại "Dự án" hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; Toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01.2013/PL với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam sửa đổi một số điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 01/2008/NEDI2 - SGD/HĐTDDH ký ngày 18 tháng 10 năm 2008. Phụ lục hợp đồng này thay đổi thời gian ân hạn gốc cũ từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 thành thời gian ân hạn mới là ngày 25 tháng 8 năm 2014 và sửa đổi hạn mức tín dụng thành mức tối đa là 923 tỷ đồng.

- (ii) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437,745 tỷ đồng, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp cho khoản vay này.

Ngày 27 tháng 6 năm 2013, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0/2013/HĐSBĐS với Ngân hàng Phát triển Việt Nam sửa đổi một số điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐDT - NHPT ký ngày 18 tháng 10 năm 2008. Phụ lục hợp đồng này thay đổi thời gian ân hạn gốc cũ từ ngày 30 tháng 6 năm 2013 thành thời gian ân hạn mới là tháng 6 năm 2014.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	46.578.861.647	71.257.333.344
Trong năm thứ hai	97.155.723.294	153.756.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	514.037.169.883	208.583.399.000
Sau năm năm	350.956.964.178	174.999.247.566
	<u>1.008.728.719.002</u>	<u>608.595.979.910</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	46.578.861.647	71.257.333.344
Số được trả sau 12 tháng	<u>962.149.857.355</u>	<u>537.338.646.566</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	193.896.507.633	10.642.450.000	10.295.526.491	1.718.822.389	216.553.306.513
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	71.450.741	71.450.741
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(460.800.000)	(460.800.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	540.657.315	-	540.657.315
Tại ngày 01/01/2013	193.896.507.633	10.642.450.000	10.836.183.806	1.329.473.130	216.704.614.569
Nhận vốn góp	159.400.000.000	-	-	-	159.400.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	261.093.412	261.093.412
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(2.228.641.575)	-	(2.228.641.575)
Giảm khác	-	-	-	(727.273)	(727.273)
Tại ngày 31/12/2013	353.296.507.633	10.642.450.000	8.607.542.231	1.589.839.269	374.136.339.133

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.329.650	19.389.650
+ Cổ phiếu phổ thông	35.329.650	19.389.650
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.329.650	19.389.650
+ Cổ phiếu phổ thông	35.329.650	19.389.650
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 cấp lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 và các giấy phép điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn đã góp tại ngày	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	VND	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.500.000	51,0%	255.000.000.000	255.000.007.633	132.000.007.633
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000	10,0%	50.000.000.000	13.083.250.000	21.800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	1.900.000	3,8%	19.000.000.000	2.856.000.000	2.856.000.000
Công ty Cổ phần Vimenco	1.140.000	2,3%	11.400.000.000	8.387.000.000	8.387.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	16.460.000	32,9%	164.600.000.000	73.970.250.000	28.853.500.000
	50.000.000	100%	500.000.000.000	353.296.507.633	193.896.507.633

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2013	2012
Lợi nhuận sau thuế (VND)	261.093.412	71.450.741
Cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	27.342.965	19.389.650
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10	4

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	1.008.728.719.002	748.391.852.756
Trừ: Tiền	37.523.209.480	239.187.864
Nợ thuần	971.205.509.522	748.152.664.892
Vốn chủ sở hữu	374.136.339.133	216.704.614.569
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	2,60	3,45

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	37.523.209.480	239.187.864
Phải thu khác	3.659.021.655	4.981.793.986
Tài sản tài chính khác	250.972.714	12.298.172.714
Tổng cộng	41.433.203.849	17.519.154.564
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.008.728.719.002	748.391.852.756
Phải trả người bán và phải trả khác	95.651.761.770	75.131.230.621
Chi phí phải trả	21.786.224.066	97.686.842.670
Công nợ tài chính khác	224.000.000	350.000.000
Tổng cộng	1.126.390.704.838	921.559.926.047

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đôla Mỹ (USD) - Phải trả người bán	21.521.368.627	14.572.331.028	28.282.121.114	2.997.690.728
Đôla Mỹ (USD) - Tiền	-	-	10.887.420	17.245.584

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy tỷ giá vì Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh chưa phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, do đó, tỷ giá biến động sẽ không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất vì Công ty đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, mục đích của các khoản vay đều là phục vụ cho hoạt động xây dựng cơ bản nên toàn bộ lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình, do đó, lãi vay biến động do lãi suất biến động sẽ chỉ ảnh hưởng đến giá trị lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình mà không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền	37.523.209.480	-	-	37.523.209.480
Phải thu khác	3.659.021.655	-	-	3.659.021.655
Tài sản tài chính khác	250.972.714	-	-	250.972.714
Tổng cộng	41.433.203.849	-	-	41.433.203.849
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	46.578.861.647	611.192.893.177	350.956.964.178	1.008.728.719.002
Phải trả người bán và phải trả khác	95.651.761.770	-	-	95.651.761.770
Chi phí phải trả	21.786.224.066	-	-	21.786.224.066
Công nợ tài chính khác	-	224.000.000	-	224.000.000
Tổng cộng	164.016.847.483	611.416.893.177	350.956.964.178	1.126.390.704.838
Chênh lệch thanh khoản thuần	(122.583.643.634)	(611.416.893.177)	(350.956.964.178)	(1.084.957.500.989)
31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền	239.187.864	-	-	239.187.864
Phải thu khác	4.981.793.986	-	-	4.981.793.986
Tài sản tài chính khác	250.972.714	12.047.200.000	-	12.298.172.714
Tổng cộng	5.471.954.564	12.047.200.000	-	17.519.154.564
31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	211.053.206.190	362.339.399.000	174.999.247.566	748.391.852.756
Phải trả người bán và phải trả khác	75.131.230.621	-	-	75.131.230.621
Chi phí phải trả	97.686.842.670	-	-	97.686.842.670
Công nợ tài chính khác	-	350.000.000	-	350.000.000
Tổng cộng	383.871.279.481	362.689.399.000	174.999.247.566	921.559.926.047
Chênh lệch thanh khoản thuần	(378.399.324.917)	(350.642.199.000)	(174.999.247.566)	(904.040.771.483)

Mặc dù công nợ tài chính lớn hơn tài sản tài chính tuy nhiên Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Công ty Cổ phần Vimeco	Công ty mẹ Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đô thị Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 11	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm Vinavico	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Cùng công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan

	2013	2012
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vimeco	34.379.681.417	1.344.475.754
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	-	518.984.510
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	-	40.299.569
Công ty Cổ phần Xây dựng số 05	22.379.423.442	-
Góp vốn		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	123.000.000.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Lương	1.007.278.455	688.513.652
Các khoản khác	-	20.800.000
	1.007.278.455	709.313.652

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	334.043.470	2.085.309.070
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	97.273.356	946.015.724
Công ty Cổ phần Vimeco	480.732.766	1.244.950.632
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	14.199.294.571	15.998.058.304
Công ty Cổ phần Vimeco	5.779.967.834	2.128.542.714
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	16.473.407.600	150.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	122.365.995	140.695.500
Vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vimeco	500.000.000	500.000.000
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	12.474.348.977	8.332.101.638
Công ty Cổ phần Vimeco	27.024.698.801	23.267.810.091
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - Vinavico	2.436.375.131	2.436.375.131
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	291.735.754	302.021.210
Công ty Cổ phần Xây dựng số 05	10.421.336.986	-
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	7.208.918.919	1.485.438.424
Công ty Cổ phần Vimeco	41.158.810	41.158.810

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.



Ứng Hồng Vận
 Giám đốc

Đình Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thủy
 Người lập biểu

Lào Cai, ngày 05 tháng 3 năm 2014